

# CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

## Ngành Giáo dục Thể chất trình độ cao đẳng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 700/QĐ-ĐHAG ngày 19/4/2016  
của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang)

### Chú thích thang Trình độ năng lực

| TĐNL | Yêu cầu về năng lực | Mô tả                        |
|------|---------------------|------------------------------|
| 1    | Biết                | Có biết/có nghe qua          |
| 2    | Hiểu                | Có hiểu biết/có thể tham gia |
| 3    | Ứng dụng            | Có khả năng ứng dụng         |
| 4    | Phân tích           | Có khả năng phân tích        |
| 5    | Đánh giá            | Có khả năng đánh giá         |
| 6    | Sáng tạo            | Có khả năng sáng tạo         |

### Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và trình độ năng lực yêu cầu (Program learning outcomes – X.x.x)

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng và phẩm chất giữa các cá nhân, năng lực thực hành nghề nghiệp:

| Ký hiệu    | Chủ đề chuẩn đầu ra  | TĐNL |
|------------|--|------|
| <b>1</b>   | <b>Kiến thức và lập luận ngành</b>   |      |
| <b>1.1</b> | <b>Kiến thức đại cương</b>   |      |
| 1.1.1      | Kiến thức lý luận chính trị  | 3    |
| 1.1.2      | Kiến thức ngoại ngữ  | 3    |
| 1.1.3      | Kiến thức tin học  | 3    |
| 1.1.4      | Kiến thức giáo dục thể chất  | 3    |
| 1.1.5      | Kiến thức pháp luật đại cương  | 3    |
| 1.1.6      | Giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3    |
| <b>1.2</b> | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>   |      |
| 1.2.1      | Kiến thức giải phẫu – sinh lý cơ thể người                                       | 3    |
| 1.2.2      | Kiến thức Lý luận và phương pháp TĐTT  | 3    |
| 1.2.3      | Kiến thức đo lường thể thao trong hoạt động nghiên cứu khoa học về lĩnh vực TĐTT | 3    |
| 1.2.4      | Kiến thức Toán thống kê TĐTT   | 4    |
| 1.2.5      | Kiến thức quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục – Đào tạo        | 2    |

| <b>Ký hiệu</b> | <b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>   | <b>TĐNL</b> |
|----------------|--|-------------|
|                | trong giảng dạy  |             |
| 1.2.6          | Kiến thức giáo dục học   | 3           |
| 1.2.7          | Kiến thức tâm lý học   | 3           |
| 1.2.8          | Kiến thức giao tiếp sư phạm  | 3           |
| <b>1.3</b>     | <b><i>Kiến thức chuyên ngành</i></b>   |             |
| 1.3.1          | Kiến thức phát triển trí lực   | 4           |
| 1.3.2          | Kiến thức phát triển thể lực   | 4           |
| 1.3.3          | Kiến thức phối hợp vận động,   | 4           |
| 1.4            | <i>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</i>  |             |
| 1.4.1          | Kiến thức trong giảng dạy thể dục ở các trường phổ thông   | 5           |
| 1.4.2          | Kiến thức lý luận và phương pháp dạy học thể dục trong thực tế các trường phổ thông                            | 5           |
| 1.4.3          | Kiến thức giáo dục thể chất để thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế.                  | 5           |
| <b>2.</b>      | <b>Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp</b>   |             |
| <b>2.1</b>     | <b><i>Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề</i></b>  |             |
| 2.1.1          | Nhận dạng và xác định một vấn đề về động tác kỹ thuật  | 4           |
| 2.1.2          | Khả năng mô hình hóa vấn đề thuộc một lĩnh vực thể thao  | 4           |
| 2.1.3          | Định tính khối lượng vận động  | 4           |
| 2.1.4          | Phân tích các yếu tố ngẫu nhiên tác động trong hoạt động và thi đấu thể thao                                   | 4           |
| <b>2.2</b>     | <b><i>Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức</i></b>  |             |
| 2.2.1          | Lập giả thuyết và các khả năng xảy ra trong hoạt động TĐTT   | 4           |
| 2.2.2          | Tìm hiểu chọn lọc qua tài liệu in và điện tử thể thao.   | 4           |
| 2.2.3          | Khảo sát từ thực nghiệm các test thể thao  | 4           |
| 2.2.4          | Kiểm định giả thuyết và chứng minh theo PP dạy học và huấn luyện thể thao.                                     | 4           |
| <b>2.3</b>     | <b><i>Khả năng tư duy hệ thống</i></b>   |             |
| 2.3.1          | Nhìn tổng thể vấn đề trong chương trình tiếp thu kiến thức   | 5           |
| 2.3.2          | Xác định vấn đề phát sinh và tương tác trong các hệ thống, cần bổ sung, loại trừ các tác nhân, tạo sự đổi mới. | 5           |
| 2.3.3          | Chọn lọc sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm  | 5           |
| 2.3.4          | Phân tích ưu, nhược điểm và đề xuất giải pháp  | 4           |
| <b>2.4</b>     | <b><i>Kỹ năng và phẩm chất cá nhân</i></b>   |             |
| 2.4.1          | Đề xướng và sẵn sàng chấp nhận rủi ro, trên nền tảng vững chắc cơ bản về lý luận và thực tiễn TĐTT             | 5           |

| <b>Ký hiệu</b> | <b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>  | <b>TĐNL</b> |
|----------------|---|-------------|
| 2.4.2          | Tính kiên trì và linh hoạt trong hoạt động TĐTT   | 5           |
| 2.4.3          | Tư duy sáng tạo   | 5           |
| 2.4.4          | Tư duy đánh giá   | 5           |
| 2.4.5          | Nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của mình                                     | 5           |
| 2.4.6          | Ham tìm hiểu, học tập và rèn luyện TĐTT thường xuyên.   | 5           |
| 2.4.7          | Quản lý thời gian và nguồn lực theo kế hoạch.   | 5           |
| <b>2.5</b>     | <b><i>Kỹ năng và phẩm chất đạo đức cá nhân</i></b>  |             |
| 2.5.1          | Phẩm chất chính trị   | 5           |
| 2.5.2          | Phẩm chất nhân văn  | 5           |
| 2.5.3          | Năng lực nhận thức và tư duy  | 5           |
| 2.5.4          | Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề  | 5           |
| 2.5.5          | Kỹ năng thuyết trình  | 5           |
| 2.5.6          | Thuộc tính và kỹ năng cá nhân (đạo đức, lối sống, nghề nghiệp) thể hiện tính chuyên nghiệp TĐTT | 5           |
| <b>2.6</b>     | <b><i>Kỹ năng và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i></b>  |             |
| 2.6.1          | Kỹ năng lập kế hoạch dạy học TĐTT   | 5           |
| 2.6.2          | Kỹ năng soạn giáo án  | 5           |
| 2.6.3          | Kỹ năng giảng dạy TĐTT  | 5           |
| 2.6.4          | Kỹ năng kiểm tra đánh giá   | 5           |
| 2.6.5          | Kỹ năng phát triển nghề nghiệp TĐTT   | 5           |
| 2.6.6          | Kỹ năng ứng xử với đồng nghiệp  | 5           |
| 2.6.7          | Kỹ năng ứng xử với học sinh   | 5           |
| 2.6.8          | Đạo đức nghề nghiệp   | 5           |
| <b>2.7</b>     | <b><i>Kỹ năng và phẩm chất đạo đức xã hội</i></b>   |             |
| 2.7.1          | Kỹ năng ứng xử với phụ huynh  | 3           |
| 2.7.2          | Kỹ năng ứng xử với tổ chức hành chính   | 3           |
| 2.7.3          | Kỹ năng ứng xử với tổ chức xã hội và cộng đồng  | 3           |
| <b>3.</b>      | <b><i>Kỹ năng và phẩm chất giữa các cá nhân</i></b>   |             |
| <b>3.1</b>     | <b><i>Làm việc theo nhóm</i></b>  |             |
| 3.1.1          | Tổ chức hoạt động nhóm  | 3           |
| 3.1.2          | Lãnh đạo và phát triển nhóm   | 3           |
| 3.1.3          | Biết tham vấn các ý kiến của các thành viên trong nhóm  | 3           |
| 3.1.4          | Kỹ năng thuyết phục các thành viên trong nhóm   | 3           |
| 3.1.5          | Kỹ năng trợ giúp các thành viên trong nhóm  | 3           |

| <b>Ký hiệu</b> | <b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>  | <b>TĐNL</b> |
|----------------|---|-------------|
| 3.1.6          | Hợp tác xây dựng văn hóa học hỏi trong nhóm                           | 3           |
| <b>3.2</b>     | <b><i>Giao tiếp</i></b>   |             |
| 3.2.1          | Chiến lược giao tiếp  | 3           |
| 3.2.2          | Giao tiếp bằng văn bản  | 3           |
| 3.2.3          | Giao tiếp đa phương tiện  | 3           |
| 3.2.4          | Kỹ năng lắng nghe có chọn lọc   | 3           |
| 3.2.5          | Xác định bối cảnh, đối tượng và cách thức giao tiếp                   | 3           |
| 3.2.6          | Kỹ năng hỏi đáp trong giao tiếp                                       | 3           |
| 3.2.7          | Kỹ năng thuyết trình trong giao tiếp                                  | 3           |
| <b>3.3</b>     | <b><i>Giao tiếp sử dụng ngoại ngữ</i></b>                             |             |
| 3.3.1          | Tiếng Anh giao tiếp   | 3           |
| <b>4.</b>      | <b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>                                 |             |
| <b>4.1</b>     | <b><i>Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh</i></b>                      |             |
| 4.1.1          | Vai trò và trách nhiệm của người giáo viên                            | 3           |
| 4.1.2          | Ảnh hưởng của giáo dục đối với xã hội                                 | 3           |
| 4.1.3          | Nhận thức được lợi ích mang lại từ ứng dụng KHKT.TDĐT                 | 3           |
| 4.1.4          | Hiểu biết về pháp luật, lịch sử và văn hóa                            | 3           |
| 4.1.5          | Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự: chính trị, VHXH...           | 3           |
| 4.1.6          | Phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa                                | 3           |
| <b>4.2</b>     | <b><i>Hiểu bối cảnh tổ chức nhà trường</i></b>                        |             |
| 4.2.1          | Nhận diện được bối cảnh giáo dục của nhà trường                       | 3           |
| 4.2.2          | Các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của nhà trường                   | 3           |
| 4.2.3          | Chiến lược phát triển ngành GDTC                                      | 3           |
| 4.2.4          | Chiến lược xã hội hóa TDĐT  | 3           |
| <b>4.3</b>     | <b><i>Hình thành ý tưởng</i></b>                                      |             |
| 4.3.1          | Đặc điểm đối tượng giáo dục thể chất                                  | 3           |
| 4.3.2          | Đặc điểm môi trường giáo dục  | 3           |
| 4.3.3          | Phát hiện khả năng ứng dụng, liên hệ thực tế của nội dung             | 3           |
| 4.3.4          | Coi trọng việc tổng kết sự vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn. | 3           |
| <b>4.4</b>     | <b><i>Xây dựng phương án</i></b>                                      |             |
| 4.4.1          | Thiết kế hệ thống mục tiêu dạy học cụ thể, chi tiết, khả thi          | 3           |
| 4.4.2          | Xây dựng kế hoạch dạy học   | 3           |
| 4.4.3          | Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục khác                         | 3           |
| 4.4.4          | Thiết kế kế hoạch đánh giá  | 3           |

| <b>Ký hiệu</b> | <b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>   | <b>TĐNL</b> |
|----------------|--|-------------|
| 4.4.5          | Thiết kế các nguồn học liệu phong phú, đa dạng, hấp dẫn              | 3           |
| <b>4.5</b>     | <b><i>Thực hiện phương án</i></b>                                    |             |
| 4.5.1          | Lên kế hoạch quá trình thực hiện                                     | 4           |
| 4.5.2          | Thực hiện quá trình dạy học TĐTT                                     | 4           |
| 4.5.3          | Thực hiện quá trình huấn luyện Thể Thao                              | 4           |
| 4.5.4          | Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức GD           | 4           |
| <b>4.6</b>     | <b><i>Vận hành phương án</i></b>                                     |             |
| 4.6.1          | Tự đánh giá, tự học, tự nghiên cứu và tự rèn luyện                   | 4           |
| 4.6.2          | Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục     | 4           |
| 4.6.3          | Sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy và học | 4           |
| 4.6.4          | Đánh giá cải tiến và phát triển nghề nghiệp                          | 4           |

